

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-PT

Ngày 19-7-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2021/TLPT-DS ngày 18-5-2021 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết Định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Y, sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm 15, xã H2, huyện H, tỉnh Nam Định;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thị H3 (tên gọi khác Vũ Thị Đ), sinh năm 1965; Địa chỉ: Xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định;

2. Bà Phạm Thị C (tên gọi khác Nguyễn Thị C1), sinh năm 1957; Địa chỉ: Xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định;

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vũ Ngọc L, sinh năm 1957; Địa chỉ: Xóm 15, xã H2, huyện H, tỉnh Nam Định;

2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1957; Địa chỉ: Xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định;

3. Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định;

4. Chị Vũ Thị H3, sinh năm 1979; Địa chỉ: Xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3, bà C là bà Đỗ Thị L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Xóm 1, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 11-09-2020).

Tại pH3 toà phúc thẩm: Có mặt bà L, bà Y, bà H3, bà C, ông L; Vắng mặt ông Đ, bà Q, chị H3 không có lý do.

NỘI DUNG VỤÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25-8-2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ thông gia với anh chồng bà Trần Thị Y nên hai bên quen biết nhau. Ngày 30-11-2012 âm lịch (tức ngày 11-01-2013 dương lịch) bà L cho bà Y vay 49.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24k, bà Y viết giấy biên nhận và ký tên, lãi vàng thỏa thuận là 25.000 đồng/chỉ/tháng, tiền không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng lãi 1%/tháng. Sau khi vay đến tháng 10 năm 2013 bà Y nói không có khả năng trả nợ nên đề nghị cho bà Y tham gia chơi một suất hội vàng, xin rút đầu tiên để trả nợ cho bà, bà đồng ý.

Đến ngày 28-10-2013 âm lịch (tức ngày 30-11-2013 dương lịch) bà thành lập hội vàng do bà làm chủ hội, ban đầu gồm 16 thành viên, trong đó có 10 thành viên góp 02 chỉ vàng 24k, 06 thành viên góp 01 chỉ vàng 24k, ghép thành 13 suất hội, mỗi suất góp 02 chỉ vàng mỗi lần cấp hội. Mỗi năm cấp hội hai lần theo vụ Chiêm và vụ Mùa. Ai chưa rút hội thì góp 01 hoặc 02 chỉ theo đăng ký; rút hội rồi thì phải góp 1,2 chỉ hoặc 2,4 chỉ. Do đều là anh em họ hàng hoặc người thân quen nên bà chỉ ghi chép vào sổ để theo dõi, không yêu cầu các thành viên ký tên. Các thành viên đều góp hội cho bà để bà giao lại cho người được rút. Hội kết thúc vào ngày 28-05-2020.

Bà Y tham gia chơi 01 suất hội góp 02 chỉ/vụ và được rút suất đầu tiên vào ngày 28-10-2013 âm lịch (tức ngày 30-11-2013 dương lịch), trừ suất góp của bà Y còn 24 chỉ vàng 24k. Bà Y đã thanh toán tiền, vàng đã vay từ năm 2012 và chốt còn nợ lại bà 10 chỉ vàng vì bà Y có xin nhận mấy chỉ vàng về trả nợ người khác. Bà Y tự tay viết vào sổ của bà với nội dung “Hôm nay 28-10-2013 âm lịch, bà L vay bà Đ 10 chỉ (mười chỉ vàng)” nhưng không ký tên, do chủ quan bà không kiểm tra lại.

Sau khi bà Y rút hội được khoảng 05 ngày thì có bà Phạm Thị C (tức bà C1) xin tham gia chơi 01 suất góp 02 chỉ/vụ, bà có sửa vào sổ ghi chép tổng 17 thành viên ghép thành 14 suất hội và đến nhà thông báo cho bà Y biết, bà đề nghị bà Y trừ 02 chỉ vàng suất góp bổ sung của bà C để trả nợ cho bà thì bà Y đồng ý nên sổ vàng vay bà Y còn nợ bà 08 chỉ. Bà tự ghi vào sổ để theo dõi chứ không yêu cầu bà Y viết biên nhận.

Bà Y đã góp hội đầy đủ đến hết suất hội số 12 (thời gian là tháng 05 năm 2019) thì dừng lại không góp nữa. Đến khi rút hai suất hội cuối cùng là suất thứ 13 của bà H3 và suất thứ 14 của bà C thì bà Y không góp, nói lý do hội thành lập từ năm 2012 nên đến tháng 05 năm 2019 đã kết thúc nhưng thực tế đến ngày 28-5-2020 mới kết thúc hội. Bà đã cùng một số thành viên chơi hội đến nhà bà Y đòi nợ nhiều lần nhưng chỉ xảy ra cãi nhau và bị bà Y đuổi về.

Nay bà yêu cầu bà Y phải trả cho bà 02 suất hội chưa góp tổng là 4,8 chỉ vàng 24k để bà trả cho bà H3, bà C và trả cho bà 08 chỉ vàng đã vay nợ, tổng cộng là 12,8 chỉ vàng 24k, không yêu cầu lấy lãi.

* Tại bản tự khai ngày 08-10-2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị Y trình bày:

Bà Y và bà L quen biết nhau như bà L trình bày. Bà có vay tiền của bà L nhiều lần với lãi suất cho con cái đi làm ăn xa, chồng bà (ông L) không biết việc vay nợ. Các lần vay bà L đều ghi vào sổ và bảo bà ký tên. Đến ngày 30-11-2012 (âm lịch) hai bên mới chốt lại nợ, bà L yêu cầu bà viết giấy biên nhận vay 49.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24k. Giấy biên nhận có ghi lãi vay vàng là 370.000đ/tháng, còn số tiền thì không ghi lãi nhưng có thỏa thuận miệng, do đã lâu bà không nhớ. Sau khi viết giấy biên nhận khoảng hơn 01 tuần thì bà L gọi đến nhà thanh toán nợ, bà nói đang khó khăn chưa có tiền trả thì bà L bảo đang chuẩn bị mở hội vàng, nếu bà tham gia thì cho rút suất đầu tiên để lấy tiền trả nợ, bà đồng ý. Bà không nhớ chính xác thời gian nhưng khoảng tháng 12-2012 bà L gọi bà đến nhà bảo cấp cho suất hội đầu tiên được 28 chỉ nhưng trừ 02 chỉ suất góp của bà còn lại 26 chỉ vàng. Bà L chỉ nói góp 02 chỉ vàng/vụ, đã rút hội thì góp 2,4 chỉ vàng/vụ, thời gian kết thúc hội vào tháng 05 năm 2019, bà không biết có những ai tham gia hội. Sau khi nói bà rút hội được 26 chỉ vàng, bà L quy đổi ra tiền theo giá vàng khoảng 4.100.000 đồng/chỉ, trừ vào nợ vẫn còn thiếu nên bà phải trả thêm khoảng gần 10.000.000 đồng thanh toán hết nợ gốc và lãi, bà L đã gạch sổ nợ trước mặt bà nên bà không còn nợ tiền, vàng của bà L nữa.

Sau khi rút, bà chỉ biết gặp bà L để đóng hội cho đến hết tháng 05 năm 2019 như bà L thông báo là kết thúc hội, bà không tham gia họp hội lần nào. Sau đó bà L cùng một số người đến nhà bà đòi góp 02 suất hội nữa tổng là 4,8 chỉ vàng và nói đến tháng 05 năm 2020 mới kết thúc nhưng bà không đồng ý.

Về giấy biên nhận vay vàng ghi ngày 28-10-2013 âm lịch do bà L đưa ra yêu cầu bà trả nợ thì bà không nhất trí. Bà C1 nhận chữ viết trong giấy biên nhận đúng

do bà tự viết do bà L đọc nội dung nên bà không yêu cầu giám Đ chữ viết. Bà C1 nhận có đến nhà bà L hỏi vay 10 chỉ vàng cho con làm ăn, bà L bảo bà viết biên nhận trước và đọc cho bà viết vào sổ. Khi viết xong bà L không có đủ 10 chỉ vàng để giao nên bà không đồng ý ký tên, nói khi nào nhận đủ vàng thì ký, bà L đồng ý nói khi nào có đủ vàng thì gọi bà đến lấy ký tên sau. Sau đó bà đã vay được ở chỗ khác nên không hỏi vay bà L nữa, bà L cũng không gọi bà đến lấy 10 chỉ vàng lần nào, do sơ suất nên bà không yêu cầu bà L hủy giấy biên nhận bà đã viết đi. Từ khi viết giấy biên nhận trên cho đến tháng 05 năm 2019 hai bên không có tranh chấp gì về nợ, chỉ đến khi bà L đòi nợ bà 02 suất góp hội vàng xảy ra tranh chấp thì mới đưa ra giấy tờ trên nói bà còn nợ 08 chỉ vàng và còn giả chữ ký của bà trong giấy biên nhận. Bà yêu cầu Tòa án làm rõ trách nhiệm của bà L làm giả giấy tờ vay theo pháp luật.

Bà bác bỏ hoàn toàn yêu cầu đòi nợ của bà L, bà khẳng Đ đã trả xong nợ cho bà L, không vay 10 chỉ vàng của bà L theo giấy biên nhận ngày 28-10-2013 âm lịch và đã góp xong hội vàng kết thúc từ tháng 05 năm 2019.

* Tại bản tự khai ngày 16-10-2020 và lời khai tại pH3 tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H3 (tức Vũ Thị Đ) trình bày: Bà có tham gia chơi hội vàng do bà Đỗ Thị L làm chủ hội, hội bắt đầu từ ngày 28-10-2013 âm lịch đến ngày 28-5-2020 thì kết thúc. Ban đầu hội có 16 thành viên sau đó có thêm bà C (tức C1) là 17 thành viên, các thành viên đều đóng hội cho bà L thu để bà L giao lại cho người được rút hội. Bà Y (tức bà L) là người rút hội suất đầu tiên vào ngày 28-10-2013 âm lịch, còn bà rút hội suất thứ 13 vào ngày 28-10-2019 và bà C (tức C1) rút hội suất thứ 14 vào ngày 28-5-2020 nhưng bà Y không góp nên sau khi kết thúc hội bà đã cùng bà L, bà C (C1) và một số thành viên khác đến nhà bà Y đòi nợ thì bà Y chối không tham gia hội và đuổi về. Nay bà yêu cầu bà Y phải nộp 02 suất góp hội tổng cộng là 4,8 chỉ vàng 24k cho bà Đỗ Thị L để bà L trả cho bà và bà C.

* Tại bản tự khai ngày 16-10-2020 và lời khai tại pH3 tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C (tức Nguyễn Thị C1) trình bày: Bà có tham gia chơi hội vàng do bà Đỗ Thị L làm chủ hội đúng như bà L, bà H3 trình bày. Bà chưa tham gia khi rút hội lần đầu mà tham gia sau đó khoảng 05 ngày, bà được rút hội suất cuối cùng thứ 14 ngày 28-5-2020. Bà được biết bà Y có tham gia hội và rút suất hội đầu tiên mở ngày 28-10-2013 âm lịch. Do bà Y không đóng hội 02 suất cuối nên sau khi kết thúc hội, bà cùng bà L, bà H3 và một số thành viên khác đến nhà bà Y đòi nợ thì bà Y chối không tham gia hội và đuổi về. Bà Y còn gặp hỏi bà có tham gia chơi hội do bà L làm chủ không, bà trả lời có tham gia; sau đó bà, bà Y và bà L gặp nhau để đối chất về việc bà tham gia hội, khi đối chất bà có nghe thấy bà L và bà Y nói chuyện về nợ vàng, bà Y nhận còn nợ bà L 08 chỉ vàng. Nay bà yêu cầu bà Y phải nộp 02 suất góp hội tổng cộng là 4,8 chỉ vàng 24k cho bà Đỗ Thị L để bà L trả cho bà H3 và bà.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-11-2020, ngày 12-11-2020 và lời khai tại pH3 tòa, người làm chứng chị Vũ Thị H3 và bà Vũ Thị Q (tức bà Tần) thống nhất

trình bày: Chị H3 và bà Q có tham gia hội vàng do bà L làm chủ hội mở từ ngày 28-10-2013 âm lịch đến ngày 28-5-2020 âm lịch thì kết thúc trong đó có bà Trần Thị Y cũng tham gia và được rút hội suất đầu tiên vào ngày 28-10-2013 âm lịch, buổi họp rút hội đầu tiên có mặt đầy đủ 16 thành viên (trừ bà Phạm Thị C tức C1 là thành viên thứ 17 tham gia sau 01 tuần). Các thành viên đều góp hội cho bà L thu để bà L trả cho người được rút hội. Do tin tưởng nhau nên không ký kết giấy tờ gì. Chị H3 và bà Q được rút hội suất thứ 4 và thứ 9 thì các thành viên đều góp đầy đủ. Người được rút hội cuối cùng suất thứ 13 là bà H3, suất thứ 14 là bà C nhưng bà Y không góp hội 02 suất cuối cùng cho bà H3 và bà C.

* Người làm chứng ông Trần Văn Đ trình bày: Ông là chồng bà Đỗ Thị L, việc bà L cho bà Y vay nợ vàng và bà L mở hội vàng có bà Y tham gia tại nhà ông nên ông đều biết nhưng do bà L và bà Y giao dịch với nhau, ông không liên quan nên ông không tham gia. Khi bà L đòi nợ xảy ra cãi nhau với bà Y thì ông có mang bản gốc giấy biên nhận nợ của bà Y ghi trong sổ đi phô tô và phô tô chèn thêm chữ ký tên bà Y có sẵn trong sổ với mục đích phòng khi sổ gốc bị bà Y giằng xé mất thì còn chứng cứ là bản phô tô đưa ra cho mọi người biết bà Y có vay nợ nhưng không trả. Do bà L không biết ông phô tô chèn thêm chữ ký của bà Y nên khi hai chị gái chồng bà Y đến nhà xin hòa giải thì bà L đưa bản phô tô cho hai chị chồng bà Y (do sổ gốc đã nộp ở Tòa án). Dựa vào tài liệu đó bà Y không trả nợ và còn thách thức vợ chồng ông, đe dọa những người đứng ra làm chứng. Nay ông nhất trí với yêu cầu đòi nợ của bà L đối với bà Y nhưng ông không trực tiếp giao dịch với bà Y nên ông không kiện đòi, để bà L giải quyết với bà Y tại Tòa án.

* Người làm chứng ông Vũ Ngọc L trình bày: Ông là chồng bà Trần Thị Y. Ông không biết việc bà Y vay nợ và tham gia chơi hội vàng với bà Đỗ Thị L. Gần đây bà L đến nhà đòi nợ thì ông mới được biết. Bà L đã làm giả mạo chữ ký của bà Y trong giấy biên nhận ghi ngày 28-10-2013 đưa cho gia đình ông để dựng chuyện đòi nợ nên ông yêu cầu Tòa án xử lý rõ trách nhiệm của bà L theo quy Đ pháp luật.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định. Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 469, 471, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 16, 17 Nghị Đ số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phườg; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tưng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L đối với bà Trần Thị Y.

Buộc bà Trần Thị Y phải trả cho bà Đỗ Thị L 12,8 (Mười hai phẩy tám) chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án.

Ngày 22-3-2021 bà Trần Thị Y là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Nội dung và hình thức vay tài sản 10 chỉ vàng không có chữ ký của người

vay và người cho vay, bà L tự ý ghi ngày tháng vào hội và lấy hội vàng, không có chữ ký hay bút tích gì của bà Y, bà L đã giả mạo chữ ký vào hợp đồng vay nợ hồng chiếm đoạt 10 chỉ vàng của bà Y. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Đ phúc thẩm lại vụ án.

Tại pH3 toà phúc thẩm bà Đỗ Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận lý do kháng cáo của bà Trần Thị Y, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ của bà L đối với 12,8 chỉ vàng 24 K và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm lại vụ án. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Đ phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký pH3 tòa đã tuân theo các quy Đ pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy Đ pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Y, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại pH3 tòa, kết quả tranh tụng tại pH3 tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Trần Thị Y làm trong thời hạn luật Đ phù hợp với quy Đ tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Y trả nợ 08 chỉ vàng 24k đã vay và thực hiện nghĩa vụ góp 02 suất hội vàng là 4,8 chỉ vàng 24k, tổng cộng là 12,8 chỉ vàng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463; Điều 466; Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác Đ quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp về góp hội là hoàn toàn chính xác.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị Y có địa chỉ cư trú tại xóm 15, xã H2, huyện H, tỉnh Nam Đ. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Đ theo quy Đ tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Y về việc nội dung và hình thức vay tài sản 10 chỉ vàng không có chữ ký của người vay và người cho vay, bà L tự ý ghi ngày tháng vào hội và lấy hội vàng, không có chữ ký hay bút tích gì của bà Y, bà L đã giả mạo chữ ký vào hợp đồng vay nợ hồng chiếm đoạt 10 chỉ vàng của bà Y thì thấy: Bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Y trả nợ 08 chỉ vàng 24k đã vay và 4,8 chỉ vàng 24k nợ góp hội vàng, tổng cộng là 12,8 chỉ vàng 24k. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 01 giấy biên nhận ghi ngày 28-10-2013 âm lịch (tức ngày 30-11-2013 dương lịch) có nội dung “Hôm nay 28-10-2013 âm lịch.

Bà L vay bà Đ 10 chỉ vàng (mười chỉ vàng)” nhưng không có chữ ký của người vay tài sản. Bị đơn bà Trần Thị Y thừa nhận có hỏi vay 10 chỉ vàng của bà L để cho con cái làm ăn và tự viết giấy biên nhận vào sổ của bà L nhưng chưa được nhận vàng do bà L chưa có đủ để giao, bà C1 nhận có tham gia chơi hội vàng do bà L làm chủ hội nhưng đã góp hội đầy đủ đến ngày 28-5-2019 là kết thúc hội nên bà không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của bà Đỗ Thị L.

[5] Về nội dung của tranh chấp về góp hội: Bà Trần Thị Y thừa nhận có tham gia hội vàng do bà L làm chủ nhưng không thừa nhận về thời gian bắt đầu rút hội lần đầu tiên và thời gian kết thúc hội cũng như số lượng các thành viên tham gia hội như bà Đỗ Thị L trình bày. Bà Y cho rằng bà được rút hội suất đầu tiên khoảng từ năm 2012 và góp đến hết tháng 05 năm 2019 thì kết thúc hội do bà L thông báo từ đầu cho bà như vậy. Tuy NH3 căn cứ văn bản ghi chép hội vàng do bà L tự lập không có chữ ký xác nhận của các thành viên tham gia hội nhưng nội dung cũng phù hợp với lời khai của những người trực tiếp tham gia hội gồm bà Bùi Thị H3, bà Phạm Thị C, chị Vũ Thị H3 và bà Vũ Thị Q đều khẳng định bà Trần Thị Y là người rút hội suất đầu tiên vào ngày 28-10-2013 âm lịch và bà Phạm Thị C tham gia sau khi bà Y rút hội khoảng 01 tuần, bà C là người rút hội cuối cùng ngày 28-5-2020; bà Y không góp 02 suất hội cuối cùng cho bà H3 rút ngày 28-10-2019 và bà C rút ngày 28-5-2020. Do đó có căn cứ khẳng định bà Trần Thị Y còn nợ 02 suất góp hội vàng tổng là 4,8 chỉ vàng 24k cho bà Đỗ Thị L là chủ hội để thanh toán cho người được rút hội là bà H3 và bà C. Vì vậy bà Đỗ Thị L yêu cầu bà Trần Thị Y phải trả cho bà L 02 suất góp hội tổng là 4,8 chỉ vàng 24k như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về nội dung của hợp đồng vay tài sản: Bà Đỗ Thị L còn yêu cầu bà Trần Thị Y phải thanh toán trả nợ 08 chỉ vàng 24k. Tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp gồm có 01 giấy biên nhận có nội dung “Hôm nay 28-10-2013 âm lịch. Bà L vay bà Đ 10 chỉ vàng (mười chỉ vàng)” nhưng không có chữ ký tên người vay tài sản. Theo lời khai của bà L thì thực chất giấy biên nhận ngày 20-10-2013 là xác nhận nợ cũ đã vay từ trước, đến ngày 28-10-2013 âm lịch hai bên thanh toán nợ đã chốt lại số vàng bà Y còn nợ là 10 chỉ, không phải là giao dịch mới nên không có việc giao nhận vàng trực tiếp cho nhau, do sơ suất nên bà Y không ký tên bà L không nhắc nhở. Sau khi hai bên lập giấy chốt nợ trên thì do bà Phạm Thị C tham gia góp hội vàng muộn sau khi bà Y đã rút hội khoảng 05 ngày nên 02 chỉ vàng bà C góp phải giao bổ sung cho bà Y đã được hai bên thống nhất miệng trừ vào khoản nợ 10 chỉ vàng trên vì vậy bà Y còn nợ lại bà L là 08 chỉ vàng, bà L chỉ tự ghi bổ sung vào sổ nợ chứ không yêu cầu bà Y ký nhận. Bị đơn bà Trần Thị Y thừa nhận chữ viết trong giấy biên nhận vay vàng ghi ngày 28-10-2013 âm lịch do bà L cung cấp đúng là do bà Y tự viết nhưng bà Y lý do cho rằng chưa ký tên là do bà L chưa có đủ 10 chỉ vàng để giao, hai bên đã hẹn nhau khi nào nhận đủ vàng sẽ ký tên nhưng bà L không thừa nhận lý do như bà Y khai. Theo lời khai của người làm chứng là bà Bùi Thị H3, bà Phạm Thị C, bà Vũ Thị Q và chị Vũ Thị H3 là người tham gia hội vàng cùng bà L và bà Y thì ngày 28-10-2013 âm lịch là ngày họp hội vàng và bà Y được rút

hội suất đầu tiên, điều này cũng phù hợp với lời khai của bà L vào ngày 28-10-2013 âm lịch bà L và bà Y đã chốt nợ vay từ trước, sau khi trừ đi số vàng bà Y được rút là 26 chỉ thì đã chốt lại bà Y còn nợ bà L 10 chỉ vàng, sau đó đổi trừ 02 chỉ vàng suất góp hội bổ sung của bà C (tức C1) cho bà Y nên bà Y còn nợ 08 chỉ vàng. Bà C còn khai đã cùng đổi chất với bà L và bà Y về việc tham gia góp hội và có nghe được bà Y nói còn nợ bà L 08 chỉ vàng. Đối với lý do bà Y trình bày chưa nhận được 10 chỉ vàng do bà L chưa có đủ để giao là không có cơ sở, bởi thực tế nếu không phải là chốt nợ hoặc không nhận được 10 chỉ vàng nếu có giao dịch vay mới như bà Y khai thì không bao giờ bà Y viết trước giấy biên nhận hoặc khi đã viết giấy biên nhận mà chưa nhận được số vàng nói trên thì bà Y phải thu hồi hoặc yêu cầu bà L hủy tờ giấy biên nhận này đi, trong quá trình giải quyết vụ án và tại pH3 tòa bà Y cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà viết giấy biên nhận ngày 28-10-2013 âm lịch là do bị bà L đe dọa, cưỡng ép làm tê liệt ý chí hoặc bị lừa dối. Nếu không được nhận tài sản vay thì không có lý do gì bà Y lại không thông báo cho bà L yêu cầu hủy giấy biên nhận đã viết đi, trong khi bà khai do đã vay được chỗ khác nên không hỏi bà L vay nữa và vẫn gặp bà L để góp hội đến tháng 05 năm 2019.

[7] Đối với việc bà Y cho rằng bà L đã làm giả mạo giấy biên nhận chèn thêm tên bà Y để mục đích dựng chuyện đòi nợ. Bà L và ông Đ (chồng bà L) đã thừa nhận do ông Đ tự phô tô chèn thêm tên bà Y, bà L không biết. Tuy nhiên bản gốc giấy biên nhận do bà L cung cấp cho Tòa án không bị viết chèn thêm nên vẫn đảm bảo giá trị chứng minh của chứng cứ. Tuy nhiên việc làm trên của bà L, ông Đ là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm. Từ những phân tích trên có căn cứ khẳng định bà Trần Thị Y còn nợ bà Đỗ Thị L 08 chỉ vàng đã vay nợ là đúng sự thật. Do đó yêu cầu đòi nợ của bà L đối với bà Y là có cơ sở chấp nhận.

[8] Theo giấy vay nợ do bà Đỗ Thị L cung cấp và lời khai của các đương sự thì chồng bà Y là ông Vũ Ngọc L không ký giấy vay, không giao dịch với bà L về việc vay tài sản và tham gia chơi hội vàng. Bà L cũng không yêu cầu ông L liên đới trả nợ cùng bà Y do đó không xem xét trách nhiệm trả nợ của ông Vũ Ngọc L.

[9] Về lãi suất: Bà Đỗ Thị L không yêu cầu tính lãi đối với số vàng gốc là phù hợp pháp luật nên không xem xét.

[10] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại pH3 tòa phúc thẩm bà Y cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của bà Y là không có căn cứ. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của bà Y không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Y là người cao tuổi, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Đ;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng